

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỔ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày 12 tháng 6 năm 2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Trung Tá

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Chiên; Ông Đèo Văn Vĩnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lò Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Đồng Xuân Tím - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2020/TLST - HNGĐ, ngày 30 tháng 12 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vàng T D, sinh năm: 19xx.

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Vàng V T, sinh năm: 19xx.

Địa chỉ: Bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Vàng T D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng T D và anh Vàng V T được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 1998. Từ đó đến nay, chị D, anh T chưa đăng ký kết hôn. Từ khi về chung sống với nhau, anh T thường xuyên uống rượu, say xỉn và đánh đập chị D, anh T không quan tâm đến gia đình và không tôn trọng chị D, anh T còn không chung thủy với vợ con. Dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, chị D đã cho anh T nhiều cơ hội nhưng anh T vẫn không thay đổi. Hiện nay, chị D không còn tình cảm với anh T nữa nên chị D làm đơn yêu cầu

Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị D và anh T có 02 con chung là cháu Vàng V M, sinh năm 1999 và cháu Vàng T Đ, sinh ngày 22/7/2003. Sau khi ly hôn, chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Vàng T Đ cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Vàng V M đã trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường có thể tự nuôi sống bản thân nên chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, chị D và anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị D và anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị D và anh T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời trình bày của bị đơn là anh Vàng V T trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay:

Về quan hệ hôn nhân, tổ chức đám cưới, con chung và quá trình chung sống như lời chị D khai là đúng. Từ khi về chung sống với nhau anh T và chị D sống hạnh phúc với nhau đến năm 2020 thì anh T biết chị D làm đơn ly hôn nên không còn hạnh phúc nữa. Anh T cũng cho rằng thỉnh thoảng anh có uống rượu, do tức giận nên anh cũng có đánh chị D. Tuy nhiên anh T vẫn còn tình cảm với chị D nên anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh T tùy thuộc vào ý kiến của cháu Vàng T Đ. Cháu Đ muốn ở với ai thì anh sẽ tôn trọng. Sau khi ly hôn, chị D và anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị D và anh T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị D và anh T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; của người tham gia tố tụng: Thẩm phán tiến hành thủ tục thụ lý vụ án, thu thập tài liệu, chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 15, 51,

53, 57, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của liên ngành Tòa án nhân dân - Viện kiểm sát nhân dân - Bộ Tư pháp; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vàng T D, xử: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vàng T D và anh Vàng V T. Về con chung: Giao cháu Vàng T Đ cho chị Vàng T D chăm sóc nuôi dưỡng cháu cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Các bên phải tạo điều kiện cho nhau trong việc thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn, chị Vàng T D phải chịu án phí 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ theo biên lai số: AA/2010/0004586 ngày 28/12/2020.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào diễn biến phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Vàng T D có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa chị D và anh Vàng V T. Chị D và anh T có cùng địa chỉ nơi cư trú tại bản A, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng T D và anh Vàng V T được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Chị D và anh T sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, nguyên nhân là do anh T hay uống rượu say, không quan tâm đến vợ con, anh T còn đánh đập chị D. Hiện nay, chị D không còn tình cảm với anh T và không muốn tiếp tục chung sống với anh T nữa. Hiện chị D và anh T đã ly thân, giữa chị D và anh T không còn có sự quan tâm, chia sẻ, chăm sóc, yêu thương nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích về thủ tục đăng ký kết hôn và tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữ chị D và anh T không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D, không công nhận chị D và anh T là vợ chồng theo quy định tại Điều 9, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-

TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ Tư pháp.

Về con chung: Chị D và anh T có 02 con chung là cháu Vàng V M, sinh năm 1999 và cháu Vàng T Đ, sinh ngày 22/7/2003. Quá trình giải quyết vụ án, chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Vàng T Đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Qua lời khai của cháu Đ thì cháu cũng có nguyện vọng muốn được ở cùng chị D, anh T cũng nhất trí sẽ tùy vào nguyện vọng của cháu Đ muốn ở với ai thì anh cũng sẽ tôn trọng. Còn đối với cháu Vàng V M đã trên 18 tuổi, đầy đủ năng lực hành vi dân sự, có thể tự nuôi sống bản thân nên chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy chị D có đầy đủ các điều kiện cần thiết để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đ nên Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị D và anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản, chị D và anh T tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ tham gia phiên tòa là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271, 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 14, 15, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ Tư pháp; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Vàng T D.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vàng T D và anh Vàng V T.

- **Về con chung:** Giao cháu Vàng T Đ, sinh ngày 22/7/2003 cho chị Vàng T D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi.

Chị D và anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- **Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:** Chị D không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản:** Chị D và anh T tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vàng T D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/0004586, ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, chị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Phong Thổ;
- THADS huyện Phong Thổ;
- Đương sự;
- Lưu: HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Trung Tá